

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 61)**

MÃ NGÀNH: 7580203
TÊN NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG
TÊN CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

HẢI PHÒNG - 2020

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 61)

Mã ngành: **7580203** Tên ngành: **Kỹ thuật Xây dựng**
Tên chuyên ngành: **Quản lý công trình xây dựng**
Trình độ: **Đại học chính quy**
Thời gian đào tạo: **4,5 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý công trình xây dựng thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng đào tạo về các hệ thống, quy trình lập, thẩm tra, quản lý dự án, đấu thầu, kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo chuyên ngành QLCTXD cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật xây dựng, quản trị học, quản trị doanh nghiệp xây dựng, quản lý đấu thầu, dự án; lập và thẩm định giá cũng như quản lý chất lượng công trình xây dựng. Chương trình đào tạo đồng thời cung cấp cho sinh viên kỹ năng và thái độ cần thiết để vận hành, triển khai quy trình quản lý công trình xây dựng; có khả năng nghiên cứu, sáng tạo, lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các công việc trong các lĩnh vực Quản lý công trình xây dựng.

Các sinh viên sau khi được đào tạo trở thành các Kỹ sư Quản lý công trình xây dựng nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

CTĐT cũng chuẩn bị cho SV làm việc trong các lĩnh vực khác, yêu cầu kiến thức nâng cao về Quản lý công trình xây dựng cũng như chuẩn bị cho nghiên cứu SĐH các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng tương ứng.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu:

(A) Khung TĐQG (K1-K5/ S1-S6/ C1-C4)

(B) Chuẩn kiểm định (yêu cầu về CĐR của tiêu chuẩn kiểm định liên quan)

- các ngành kỹ thuật đối sánh: ABET for engineering programs (3a-3k);

- các ngành máy tính đối sánh ABET for computing programs (3a-3i);

- các ngành Kinh tế-QTKD đối sánh: ACBSP (AC1, AC2, AC4);

- tất cả các ngành đối sánh AUN (AU1.1-AU1.4);

Liên thông: toàn trường (university--UN); nhóm ngành (Engineering--EN, Engineering Technology--ET, Econ-Business--EB, Computer Engineering--CE, Foreign Language--FL, Law--LA...); CĐR riêng của ngành (ghi mã ngành, ví dụ: Marine Engineering--MTT).

Một số chữ viết tắt:

CĐR – Chuẩn đầu ra;

CTĐT – Chương trình đào tạo;

TĐNL – Thang đo năng lực;

KHTN – Khoa học tự nhiên;

KHXH – Khoa học xã hội;

GDTC – Giáo dục thể chất;

GDQP-AN – Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản về toán học và KHTN		
1.1.1	Toán cao cấp	K1	
1.1.1.1	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về giải tích vi phân hàm nhiều biến và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.		3.0
1.1.1.2	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về tích phân kép, tích phân đường loại hai và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.		3.0
1.1.1.3	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về phương trình vi phân và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên..		3.0
1.1.1.4	Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về các bài toán đại số về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính và có khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	<i>giáo viên.</i>		
1.1.2	Vật lý 1	K1	
1.1.2.1	<i>Biết được các khái niệm, định lý, định luật, tiên đề trong cơ học cổ điển, cơ học tương đối và nhiệt động lực học</i>		3.0
1.1.2.2	<i>Hiểu được các hiện tượng trong cơ học cổ điển, cơ học tương đối và nhiệt động lực học làm cơ sở cho sinh viên tiếp thu các môn kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành một cách thuận lợi.</i>		3.0
1.1.2.3	<i>Có khả năng giải thích, phân loại và tính các bài toán liên quan đến môn học</i>		3.0
1.1.3	Triết học Mác - Lênin	K2	
1.1.3.1	<i>Hiểu được bản chất của thế giới theo quan điểm của triết học Mác - Lênin. Vận dụng để xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của bản thân trong nhận thức và thực tiễn.</i>		3.0
1.1.3.2	<i>Hiểu được quan điểm của triết học Mác - Lênin về sự liên hệ, vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Vận dụng vào thực tiễn.</i>		3.0
1.1.3.3	<i>Hiểu về các quy luật xã hội theo quan điểm của triết học Mác - Lênin. Vận dụng vào thực tiễn, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác và nhân dân ta đã lựa chọn.</i>		3.0
1.1.3.4	<i>Có khả năng hiểu các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất TBCN.</i>		3.0
1.1.3.5	<i>Có khả năng hiểu lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin về hình thái kinh tế xã hội Cộng sản Chủ nghĩa.</i>		3.0
1.1.3.6	<i>Có khả năng vận dụng để hiểu và tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước..</i>		3.0
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý		

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.2.1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K2	
1.2.1.1	<i>Có khả năng biết, hiểu và nắm vững nguồn gốc bản chất, quá trình hình thành phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thấy rõ giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam và thế giới.</i>		3.5
1.2.1.2	<i>Có khả năng phân tích những vấn đề có tính quy luật phổ biến trong quá trình thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, dân chủ và xây dựng CNXH ở Việt Nam.</i>		3.5
1.2.1.3	<i>Có khả năng nhận diện những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, từ đó có ý thức trách nhiệm hơn trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giàu, đẹp. Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng kỹ năng tự học, nghiên cứu và giải quyết một số vấn đề cụ thể, rèn luyện đạo đức của bản thân.</i>		3.5
1.2.2	Lịch sử ĐCSVN	K2	
1.2.2.1	<i>Hiểu biết về cơ sở lịch sử, quá trình hình thành và nội dung đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng từ năm 1930 đến năm 1975.</i>		3.5
1.2.2.2	<i>Hiểu biết về điều kiện lịch sử quá trình hình thành và nội dung đường lối cách mạng XHCN của Đảng từ năm 1975 đến nay.</i>		3.5
1.2.2.3	<i>Đánh giá được đường lối cách mạng của Đảng từ đó ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam</i>		3.5
1.2.3	Pháp luật đại cương	K2	
1.2.3.1	<i>Người học có những hiểu biết cơ bản về về Nhà nước và pháp luật (đặc biệt là một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>Việt Nam).</i>		
1.2.3.2	<i>Thông qua các kiến thức pháp luật, người học nhận thức được hành vi nào hợp pháp, hành vi nào bất hợp pháp; từ đó nâng cao đạo đức, trau dồi nhân cách và có trách nhiệm với xã hội. Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, tài liệu nghiên cứu về chủ đề luật học trên internet.</i>		3.0
1.2.3.3	<i>Có khả năng tham gia làm việc nhóm hiệu quả; chuẩn bị thuyết trình với phương tiện hỗ trợ; tiếp thu thông tin, yêu cầu thông tin và tôn trọng các ý kiến khác nhau.</i>		3.0
1.2.3.4	<i>Nhận thức được giá trị của pháp luật đối với hoạt động nghề nghiệp và xã hội. Nhận diện các yếu tố tác động tới pháp luật, tôn trọng sự đa dạng về văn hóa pháp lý giữa các hệ thống pháp luật khác nhau.</i>		3.0
1.2.4	Kinh tế chính trị	K2	
			3.5
1.2.5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K2	
			3.5
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		
1.3.1	Hình họa vẽ kỹ thuật	K1	
1.3.1.1	<i>-Giải thích và phân biệt được các phép chiếu: phép chiếu xuyên tâm, phép chiếu song song, phép chiếu thẳng góc. -Ứng dụng phép chiếu thẳng góc: + Biểu diễn điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong hệ thống các mặt phẳng hình chiếu thẳng góc và vị trí tương quan giữa chúng. + Biểu diễn đa diện, đường cong, mặt cong; phân tích các bài toán tìm giao tuyến của hai mặt: đa diện – đa diện, mặt cong – mặt cong, đa diện – mặt cong và xét thấy khuất cho chúng.</i>		3.0
1.3.1.2	<i>-Nắm vững kiến thức về các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ dựa theo việc tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn của Nhà nước và</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	<p><i>Quốc tế</i></p> <p>-Nắm vững được các loại hình biểu diễn vật thể.</p> <p>-Xây dựng kỹ năng tư duy không gian và biểu diễn được các hình chiếu của vật thể từ không gian 3 chiều về các hình biểu diễn phẳng 2 chiều.</p> <p>-Xây dựng kỹ năng đọc bản vẽ và tư duy không gian từ các hình biểu diễn phẳng 2 chiều thành vật thể không gian 3 chiều.</p> <p>- Nắm vững cách vẽ và vẽ được hình chiếu trục đo của vật thể từ các hình chiếu thẳng góc.</p>		
1.3.1.3	<p>-Vẽ kỹ thuật cũng như bản vẽ kỹ thuật là ngôn ngữ chuyên tải thông tin trong các ngành kỹ thuật; Giúp người học, người làm có thể giao tiếp với nhau thông qua ngôn ngữ kỹ thuật là bản vẽ kỹ thuật.</p>		3.0
1.3.2	Tin học cơ bản và Ứng dụng Mathcad trong kỹ thuật	K1	
1.3.2.1	Kiến thức chung về phần mềm Mathcad 2000. Làm quen với giao diện, các ứng dụng, thư viện và tính năng liên kết với các phần mềm phổ biến khác.		3.0
1.3.2.2	Khả năng áp dụng phần mềm Mathcad 2000 để khai báo và giải quyết các bài toán số học; các phép toán vectơ, ma trận; cách vẽ đồ thị; cách xử lý số liệu và cách lập trình để tính toán các bài toán kết cấu đơn giản		3.0
1.3.2.3	Sinh viên áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, thực hiện bài tập ứng dụng trên máy.		3.0
1.3.3	Cơ học công trình	K1	
1.3.3.1	Có khả năng hiểu và áp dụng giải quyết: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên lý cấu tạo hình học kết cấu công trình, về nội lực, ngoại lực, biến dạng, chuyển vị của kết cấu do các nguyên nhân khác nhau gây ra		3.5
1.3.3.2	Có khả năng hiểu và áp dụng giải quyết:		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	<i>Sinh viên thực hiện được việc phân tích cấu tạo hình học, tính toán vẽ được biểu đồ nội lực và xác định được chuyển vị của một hệ phẳng nào đó.</i>		
1.3.4	Địa chất công trình	K1	
1.3.4.1	<i>Liệt kê Nhiệm vụ của Địa chất công trình và ý nghĩa của công tác đánh giá Địa chất</i>		3.5
1.3.4.2	<i>Tóm tắt về Đất đá và Xác định các tính chất vật lý, hóa học, cơ lý, thủy lý của đất đá</i>		
1.3.4.3	<i>Mô tả và phân tích Sự ảnh hưởng của nước đến tính chất của đất đá</i>		
1.3.4.4	<i>Áp dụng các Phương pháp đánh giá địa chất công trình và đánh giá những hiện tượng địa chất công trình hiện đại</i>		
1.3.4.5	<i>Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư</i>		
1.3.5	Thủy lực	K1	
1.3.5.1	<i>Sinh viên nắm được khái niệm về chất lỏng trong thủy lực, phân biệt các loại chất lỏng thực và chất lỏng lý tưởng, tính chất vật lý của chúng; áp suất và áp lực thủy tĩnh và áp dụng các kiến thức đó vào giải quyết các bài toán cụ thể.</i>		3.5
1.3.5.2	<i>Sinh viên nắm được khái niệm về thủy động lực học; phương trình liên tục và phương trình Bernouly của chất lỏng; các dạng tổn thất dọc đường và tổn thất cục bộ; dòng chảy qua lỗ, vòi; trong ống có áp; trong kênh và áp dụng các kiến thức đó vào giải quyết các bài toán cụ thể.</i>		3.5
1.3.5.3	<i>Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư</i>		3.5
1.3.5.4	<i>Sinh viên áp dụng các kiến thức đã học để giải các bài tập về tĩnh học chất lỏng và động lực học chất lỏng. Biết sử dụng thành thạo các thiết bị thực hành thí nghiệm</i>		3.5
1.3.6	Trắc địa cơ sở	K1	
1.3.6.1	<i>Nắm được những kiến thức chung về trắc</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<p>địa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các phương pháp đo đạc cơ bản trong trắc địa - Hiểu được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các máy móc thiết bị đo đạc trong trắc địa - Hiểu được khái niệm về lưới khống chế địa hình, đo vẽ thành lập bản đồ địa hình, mặt cắt địa hình, sử dụng bản đồ địa hình và một số phương pháp bố trí công trình. 		
1.3.6.2	Sử dụng được các máy móc trắc địa trong đo đạc cơ bản.		3.5
1.3.6.3	<p>Mục tiêu về kỹ năng, thái độ (II):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề thông qua việc xác định và nêu vấn đề, từ đó có thể mô hình hóa để giải quyết và đưa ra các khuyến nghị về vấn đề liên quan đến các bài toán trắc địa - Khảo sát, tìm hiểu tài liệu và thông tin mới của ngành trắc địa. - Ứng dụng tư duy toàn cục và khả năng sắp xếp theo trình tự ưu tiên và tập trung trong thiết kế lưới khống chế đo vẽ. - Vận dụng thái độ, tư tưởng học tập đúng đắn trong thực hiện nội dung thành lập lưới khống chế địa hình - Giữ gìn đạo đức, công bằng và có trách nhiệm với xã hội 		3.5
1.3.6.4	<p>Mục tiêu về giao tiếp, làm việc nhóm (III):</p> <p>Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm khi thực hiện các công tác tính toán lưới trắc địa</p>		3.5
1.3.6.5	<p>Mục tiêu về ý tưởng, thiết kế thi công, vận hành (IV):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường thông qua việc tìm hiểu các sản phẩm thực tế và các đơn vị sản xuất bản đồ bên ngoài. - Hình thành ý tưởng và thiết kế được các công trình thành lập lưới khống chế địa hình 		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
1.3.6.6	<i>Mục tiêu sản phẩm vận dụng kiến thức: - Bài tập: Bình sai và tính tọa độ lưới không chế mặt bằng và lưới không chế độ cao.</i>		3.5
1.3.7	<i>Thực tập trắc địa cơ sở</i>	K1	3.5
1.3.7.1	<i>Nắm được những kiến thức chung về trắc địa: - Hiểu được các phương pháp đo đạc cơ bản trong trắc địa - Hiểu được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các máy móc thiết bị đo đạc trong trắc địa - Hiểu được khái niệm về lưới không chế địa hình, đo vẽ thành lập bản đồ địa hình, mặt cắt địa hình, sử dụng bản đồ địa hình và một số phương pháp bố trí công trình.</i>		3.5
1.3.7.2	<i>Sử dụng được các máy móc trắc địa trong đo đạc cơ bản..</i>		3.5
1.3.7.3	<i>Mục tiêu về kỹ năng, thái độ (II): - Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề thông qua việc xác định và nêu vấn đề, từ đó có thể mô hình hóa để giải quyết và đưa ra các khuyến nghị về vấn đề liên quan đến các bài toán trắc địa - Khảo sát, tìm hiểu tài liệu và thông tin mới của ngành trắc địa. - Ứng dụng tư duy toàn cục và khả năng sắp xếp theo trình tự ưu tiên và tập trung trong thiết kế lưới không chế đo vẽ. - Vận dụng thái độ, tư tưởng học tập đúng đắn trong thực hiện nội dung thành lập lưới không chế địa hình - Giữ gìn đạo đức, công bằng và có trách nhiệm với xã hội</i>		3.5
1.3.7.4	<i>Mục tiêu về giao tiếp, làm việc nhóm (III): Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm khi thực hiện các công tác tính toán lưới trắc địa</i>		3.5
1.3.7.5	<i>Mục tiêu về ý tưởng, thiết kế thi công, vận hành (IV): - Biết được bối cảnh bên ngoài, xã hội và</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>môi trường thông qua việc tìm hiểu các sản phẩm thực tế và các đơn vị sản xuất bản đồ bên ngoài. - Hình thành ý tưởng và thiết kế được các công trình thành lập lưới khống chế địa hình</i>		
1.3.7.6	<i>Mục tiêu sản phẩm vận dụng kiến thức: - Bài tập: Bình sai và tính tọa độ lưới khống chế mặt bằng và lưới khống chế độ cao.</i>		3.5
1.3.8	<i>Khoa học quản lý xây dựng</i>	K1	
1.3.8.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về bản chất của quản lý, vai trò các nhà quản lý, các chức năng của quản lý bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra.</i>		3.0
1.3.8.2	<i>Có khả năng hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề quản lý trong tổ chức.</i>		3.0
1.3.9	<i>Cơ học đất nền và móng</i>	K1	
1.3.9.1	<i>Sinh viên nắm được kiến thức tổng quan về đất xây dựng dùng làm nền các công trình xây dựng, làm vật liệu xây dựng hay là môi trường để xây dựng các công trình; nhận biết được một cách tổng quát các bài toán trong thực tế khi thiết kế hay thi công các công tác đất và nền móng. Có khả năng hiểu một số vấn đề cơ bản về nền và móng, Những nguyên tắc chung khi thiết kế nền và móng.</i>		3.5
1.3.9.2	<i>Sinh viên thực hiện được một số thí nghiệm đất ở trong phòng và tính toán các chỉ tiêu cơ lý của đất, xác định trạng thái của đất, phân loại đất; tính toán được độ lún và sức chịu tải của nền đất dưới móng công trình; kiểm tra ổn định và thiết kế được độ dốc hợp lý của mái dốc đất; xác định được các giá trị áp lực đất tác dụng lên các loại</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	<i>tường chắn đất. Có khả năng áp dụng và tính toán móng nông trên nền thiên nhiên, nền nhân tạo, móng cọc, móng mềm, móng sâu.</i>		
1.3.9.3	<i>Sinh viên hiểu được vai trò quan trọng của việc nghiên cứu và đánh giá đúng về đất trong xây dựng cũng như mối quan hệ của các công tác này đối với môi trường, xã hội. Có ý thức được về quá trình học tập suốt đời và phát triển các phương pháp, kỹ năng để thành công trong học tập. Có khả năng hiểu một số vấn đề cơ bản về nền và móng, Những nguyên tắc chung khi thiết kế nền và móng.</i>		3.5
1.3.9.4	<i>Hình thành ý tưởng trong công tác thiết kế, tổ chức thi công một số công tác liên quan đến đất trong xây dựng như: nền và móng cho các loại công trình; đào, đắp hay san nền bằng đất; tường chắn đất và sử dụng một số thiết bị cơ bản để tiến hành thí nghiệm đất trong phòng và hiện trường. Có khả năng áp dụng và tính toán móng nông trên nền thiên nhiên, nền nhân tạo, móng cọc, móng mềm, móng sâu.</i>		3.5
1.3.9.5	<i>Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất, công cụ hỗ trợ hiện có vào thực hiện: -Bài kiểm tra giữa kỳ; -Bài thi cuối kỳ; - Báo cáo; - Sử dụng thiết bị thí nghiệm.</i>		3.5
1.3.10	Vật liệu xây dựng	K1	3.5
1.3.10.1	<i>Nắm vững những tính chất cơ bản của một số loại VLXD cơ bản như chất kết dính vô cơ, hữu cơ (Xi măng, thạch cao, bi tum, nhũ tương...)</i>		3.5
1.3.10.2	<i>Hiểu được khái niệm và phân loại Vật liệu</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	<i>kim loại, vật liệu đá thiên nhiên.</i>		
1.3.10.3	<i>Hiểu rõ khái niệm, phân loại bê tông và cấu trúc của bê tông xi măng, bê tông atfan</i>		3.5
1.3.10.4	<i>Nắm được một số vấn đề cơ bản về vật liệu chế tạo bê tông xi măng, phương pháp thiết kế thành phần bê tông xi măng.</i>		3.5
1.3.10.5	<i>Nắm vững cấu tạo, nguyên lý hoạt động và các thao tác vận hành các thiết bị thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của Vật liệu xây dựng</i>		3.5
1.3.11	Kết cấu Thép và Bê tông cốt thép	K1	3.5
1.3.11.1	<i>Nắm được tính chất cơ lý của bê tông và cốt thép, sự làm việc chung của hai vật liệu. Có khả năng nắm bắt những vấn đề đại cương về kết cấu thép</i>		3.5
1.3.11.2	<i>Nắm được phương pháp tính toán và cấu tạo bê tông cốt thép và Có khả năng hiểu vật liệu và sự làm việc của kết cấu thép</i>		3.5
1.3.11.3	<i>Hiểu được cấu tạo và thiết kế được cốt thép cho cấu kiện chịu uốn. Có khả năng hiểu các liên kết trong kết cấu thép: Hàn, Bulông, Đinh tán, Dầm thép, Cột thép.</i>		3.5
1.3.11.4	<i>Hiểu được cấu tạo và thiết kế được cốt thép cho cấu kiện chịu nén</i>		3.5
1.3.11.5	<i>Có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất người kỹ sư</i>		3.5
1.3.11.6	<i>Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm khi thực hiện bài tập lớn</i>		3.5
1.3.12	Luật xây dựng	K1	3.5
1.3.13	Thi công cơ bản	K1	3.5
1.3.13.1	<i>Sinh viên hiểu được các kiến thức tổng quan về các công tác thi công cơ bản sẽ gặp ở tất cả các dạng công trình xây dựng, không phân biệt chuyên ngành.</i>		3.5
1.3.13.2	<i>Sinh viên có thể vận dụng kiến thức liên quan để lập các mặt bằng thi công làm đất bằng thủ công và cơ giới, lựa chọn thiết bị làm đất phù hợp, tính toán khối lượng thi công đất, thiết kế hạ mực nước ngầm, thiết</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>kế hồ đào, các công tác chuẩn bị mặt bằng thi công nói chung.</i>		
1.3.13.3	<i>Sinh viên tính toán lựa chọn được thiết bị thi công cọc và cừ, tính toán thiết kế một số dạng ván khuôn cơ bản, các biện pháp kỹ thuật chủ yếu khi thi công ván khuôn, cốt thép và đổ bê tông.</i>		3.5
1.3.13.4	<i>Sinh viên nhận biết được một cách tổng quát các công tác thi công cơ bản, vai trò của công tác thi công cơ bản trong thi công công trình và mối quan hệ của các công tác này đối với môi trường, xã hội. Có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất người kỹ sư. Có ý thức được về quá trình học tập suốt đời và phát triển các phương pháp, kỹ năng để thành công trong học tập.</i>		3.5
1.3.13.5	<i>Sinh viên vận dụng kỹ năng giao tiếp (bằng văn bản và đồ họa) khi làm các bài kiểm tra, bài thi, biết tìm kiếm thông tin, thuyết minh về bài làm. Có thể đọc hiểu tiêu đề hình ảnh, hình vẽ tài liệu tiếng Anh, đọc được subtitle tiếng Anh của các Video clip liên quan đến môn học.</i>		3.5
1.3.13.6	<i>Hình thành được ý tưởng trong công tác thiết kế, tổ chức thi công một số công tác thi công cơ bản như làm đất, đóng cọc và cừ, thi công ván khuôn, bê tông và cốt thép.</i>		3.5
1.3.14	Quản lý đô thị	K1	3.5
1.3.14.1	<i>Sinh viên có những nhận thức đúng đắn về quy luật phát triển đô thị</i>		3.5
1.3.14.2	<i>Sinh viên nắm vững những công cụ chủ yếu để quản lý đô thị là pháp luật, quy hoạch và bộ máy quản lý nhà nước</i>		3.5
1.3.14.3	<i>Sinh viên sinh viên nắm bắt những kỹ năng vận dụng quy định quản lý đô thị trong việc thực hiện nhiệm vụ về chuyên môn, quản lý phù hợp</i>		3.5
1.3.15	Cấp thoát nước	K1	3.5
1.3.17.1	<i>Trang bị cho SV kiến thức về hệ thống cấp</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>thoát nước trong và ngoài nhà để đảm bảo việc khai thác, sử dụng nước trong công trình một cách có hiệu quả, các nguyên lý làm việc của hệ thống cấp và thoát nước trong công trình.</i>		
1.3.16	Vẽ kỹ thuật AutoCAD	K1	3.0
1.3.16.1	<i>Nắm được kiến thức cơ bản về các công cụ của phần mềm AutoCAD</i>		3.0
1.3.16.2	<i>Nắm được phương pháp nhập lệnh, cấu trúc câu lệnh các công cụ của phần mềm AutoCAD</i>		3.0
1.3.16.3	<i>Thực hiện được việc vẽ, biên tập các đối tượng</i>		3.0
1.3.16.4	<i>Có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất của một kỹ sư</i>		3.0
1.3.16.5	<i>Có kỹ năng giao tiếp bằng đồ họa khi thực hiện bài tập vận dụng.</i>		3.0
1.3.17	Marketing trong XD	K1	3.5
1.3.17.1	Sinh viên hiểu được tổng quan về marketing trong xây dựng, hiểu được các kiến thức cơ bản về thị trường và thị trường xây dựng, các chiến lược và chính sách marketing của doanh nghiệp, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing		3.5
1.3.17.2	Sinh viên có khả năng dự báo thị trường xây dựng, lập chiến lược marketing, tổ chức thực hiện và kiểm soát marketing.		3.5
1.3.17.3	Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư		3.5
1.3.18	Nguyên lý kết cấu công trình xây dựng	K1	3.5
1.3.19.1	<i>Sinh viên có thể phân biệt được các công trình nêu trên, hiểu được nguyên lý kết cấu các bộ phận công trình.</i>		3.5
1.3.19.2	<i>Sinh viên có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp, phẩm chất người kỹ sư, giao tiếp mô tả được các vấn đề liên quan đến kết cấu các công trình.</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.3.19	Thống kê doanh nghiệp xây dựng	K1	3.5
1.3.19.1	Sinh viên hiểu được vấn đề chung về thống kê học và các phương pháp thống kê		3.5
1.3.19.2	Sinh viên hiểu được các hình thức điều tra chọn mẫu;		3.5
1.3.19.3	Sinh viên phân tích ứng dụng các phương pháp thống kê biểu hiện xu thế biến động của đối tượng nghiên cứu;		3.5
1.3.19.4	Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư		
1.3.20	Quản lý công nghệ xây dựng	K1	3.5
1.3.20.1	Cung cấp kiến thức về đánh giá, lựa chọn, chuyên giao công nghệ. Cung cấp kiến thức về vai trò của giám đốc công nghệ và quản lý vận hành công nghệ trong tổ chức. Có thể dự báo được xu hướng phát triển của công nghệ và tổ chức thực hiện chuyên giao công nghệ. Có thể thực hiện đánh giá hiệu quả kinh tế của duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, trang thiết bị trong tổ chức. Tăng cường khả năng tìm kiếm và phân tích thông tin về công nghệ trong việc đánh giá, quản lý công nghệ		3.5
1.3.20.2	Sinh viên có khả năng dự báo, phân tích việc quản lý, điều hành công nghệ và chuyên giao công nghệ tại doanh nghiệp		3.5
1.3.21	Khí tượng thủy văn và môi trường	K1	3.5
1.3.21.1	<i>Sinh viên giải thích và phân biệt được các loại lười sông, sự hình thành dòng chảy sông ngòi, các đặc trưng thủy văn của lưu vực và dòng sông, các phương pháp tính toán thủy văn các đặc trưng khí tượng chủ yếu, tính toán được các đặc trưng cơ bản trên mặt bằng và cắt ngang của dòng sông; biết vẽ được đường liên hệ mực nước-lưu lượng, chuyển đường liên hệ từ mặt cắt này sang mặt cắt khác.</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.3.21.2	<i>Sinh viên hiểu được các phương pháp biết vẽ được đường tần suất của đại lượng thủy văn.</i>		3.5
1.3.21.3	<i>Sinh viên nhận biết được thủy triều và quan trắc thủy triều, đặc điểm thủy văn vùng sông chịu ảnh hưởng của thủy triều, xác định và dự báo được thủy triều cho 1 khu vực bất kỳ, tính toán được các đặc trưng thủy văn thiết kế.</i>		3.5
1.3.21.4	<i>Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư</i>		3.5
1.3.21.5	<i>Sinh viên áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, thực hiện được các bài tập về xác định các đặc trưng thủy văn của dòng sông; vẽ các đường tần suất trong thủy văn; tính toán tương quan</i>		3.5
1.3.21.6	<i>Hiểu được các kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên; giải thích được một số dạng ô nhiễm các thành phần môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu; hiểu được mối quan hệ giữa dân số với các áp lực tài nguyên và môi trường, biết được các giải pháp về mặt chiến lược, quản lý và kỹ thuật đối với nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên và môi trường. Nhận thức được vai trò của bản thân và có thái độ ứng xử đúng đắn trong vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hợp lý.</i>		3.5
1.3.22	Thực tập khí tượng thủy hải văn	K1	3.5
1.3.22.1	<i>Kiến thức chung về các thiết bị và hướng dẫn sử dụng thiết bị khí tượng thủy hải văn.</i>		3.5
1.3.22.2	<i>Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư</i>		3.5
1.3.22.3	<i>Sinh viên có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản</i>		3.5
1.3.22.4	<i>Sinh viên áp dụng các kiến thức đã học để vận hành các thiết bị đo đạc; khảo sát thủy văn thông dụng để lấy số liệu và viết báo</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>cáo thực tập</i>		
1.3.23	Quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng	K1	3.5
1.3.23.1	Sinh viên xác định được khung cơ cấu hình thành một doanh nghiệp xây dựng và hiểu khái quát về hệ thống sản xuất - kinh doanh trong các doanh nghiệp xây dựng, các nguyên tắc lập kế hoạch sản xuất - kinh doanh ở các doanh nghiệp xây dựng, phân biệt giữa mô hình kế hoạch hoá tập trung và mô hình kế hoạch của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước,		3.5
1.3.23.2	Sinh viên hiểu được các hình thức tổ chức thực hiện xây dựng, tổ chức quá trình sản xuất xây dựng và ứng dụng khoa học và công nghệ tiên bộ trong sản xuất xây dựng.		3.5
1.3.23.3	Sinh viên nhận biết phân tích ứng dụng tiên bộ khoa học – công nghệ trong xây dựng, nguồn vốn và đầu tư của các doanh nghiệp xây dựng.		3.5
1.3.23.4	Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư		3.5
1.3.24	Quản lý nguồn nhân lực	K1	3.5
1.3.24.1	Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về nguồn lực và quản lý nguồn lực		3.5
1.3.24.2	Sinh viên hiểu và phân tích được vai trò của quản lý nguồn lực trong dự án xây dựng		3.5
1.3.24.3	Sinh viên hiểu và phân tích được kế hoạch hóa nguồn nhân lực, phân phối nguồn nhân lực		3.5
1.3.24.4	Sinh viên hiểu, phân tích và lập được kế hoạch đào tạo và tổ chức hoạt động các hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực		3.5
1.3.24.5	Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư		3.5
1.3.25	Thống kê và mô hình toán kinh tế trong xây dựng	K1	3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.3.25.1	Sinh viên hiểu và thống kê được các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng		3.5
1.3.25.2	Sinh viên hiểu và phân tích được các mô hình tối ưu, mô hình hệ thống phục vụ công cộng		3.5
1.3.25.3	Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư		3.5
1.4	Kiến thức chuyên ngành		
1.4.1	Kiến thức về công nghệ thông tin ứng dụng trong QLCTXD (Tin học ứng dụng trong quản lý xây dựng)	K3	3.5
1.4.1.1	<i>Kiến thức chung về phần mềm G8; Microsoft Project. Làm quen với giao diện, các ứng dụng, thư viện và tính năng liên kết với các phần mềm phổ biến khác.</i>		3.5
1.4.1.2	<i>Khả năng áp dụng phần mềm G8; Microsoft Project quản lý xây dựng công trình, bóc tách công trình xây dựng.</i>		3.5
1.4.1.3	<i>Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư</i>		3.5
1.4.1.4	<i>Sinh viên áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, thực hiện bài tập ứng dụng trên máy.</i>		3.5
1.4.2	Kiến thức về quản lý xây dựng công trình (tổ chức và quản lý thi công; an toàn lao động)	K1	3.5
1.4.2.1	<i>Sinh viên tóm tắt được nội dung tổng quan về công tác thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công các công trình xây dựng.</i>		3.5
1.4.2.2	<i>Sinh viên tính toán và lập được kế hoạch tiến độ thi công theo sơ đồ ngang và tiến độ thi công theo sơ đồ mạng; tổ chức tổng mặt bằng xây dựng, tổ chức vận chuyển, thiết kế và bố trí hệ thống giao thông công trường, thiết kế kho bãi trên công trường, thiết kế và bố trí hệ thống điện - nước cho công trường.</i>		3.5
1.4.2.3	<i>Sinh viên giải thích được vai trò của công</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>tác thiết kế tổ chức và thiết kế tổ chức thi công các công trình xây dựng; có ý thức về quá trình học tập suốt đời và phát triển các phương pháp, kỹ năng để thành công trong học tập.</i>		
1.4.2.4	<i>Hình thành ý tưởng trong công tác thiết kế, tổ chức và quản lý thi công các công trình xây dựng gồm tiến độ thi công theo sơ đồ ngang và tiến độ thi công theo sơ đồ mạng, tổ chức tổng mặt bằng xây dựng, tổ chức vận chuyển và bố trí hệ thống giao thông, kho bãi, hệ thống điện - nước cho công trường.</i>		3.5
1.4.2.5	<i>Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất, công cụ hỗ trợ hiện có vào thực hiện: - Bài kiểm tra giữa kỳ, bài kiểm tra vận dụng kiến thức; - Bài thi cuối kỳ.</i>		3.5
1.4.3	Kiến thức về quản lý chất lượng (Quản lý chất lượng công trình xây dựng; Quản lý rủi ro công trình xây dựng, Công trình hạ tầng đô thị)	K1	3.5
1.4.3.1	<i>Sinh viên có thể hiểu được tầm quan trọng của phân tích rủi ro dự án xây dựng,</i>		3.5
1.4.3.2	<i>Sinh viên áp dụng các phương pháp đã học để phân tích rủi ro dự án và ứng dụng vào thực tiễn quản lý rủi ro</i>		3.5
1.4.3.3	<i>Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về hệ thống tiêu chuẩn QLCL ISO 9000 trong xây dựng .</i>		3.5
1.4.3.4	<i>Sinh viên có những kỹ năng, và hiểu được qui trình quản lý chất lượng công trình xây dựng</i>		3.5
1.4.3.5	<i>Sinh viên nắm được yêu cầu kỹ thuật bắt buộc phải tuân thủ trong đầu tư và xây dựng mới, cải tạo hoặc nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị</i>		3.5
1.4.3.6	<i>Sinh viên có kỹ năng, và hiểu được hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cũng như các yêu cầu kỹ thuật.</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.4.3.7	<i>Sinh viên áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, thực hiện bài tập lớn</i>		3.5
1.4.4	Kiến thức về kinh tế, kinh doanh trong xây dựng (Kinh tế xây dựng, tài chính doanh nghiệp xây dựng, marketing trong xây dựng, tài chính tiền tệ, toán tài chính, định giá sản phẩm xây dựng, kinh tế đầu tư xây dựng)	K1	3.5
1.4.4.1	<i>Một số vấn đề về đầu tư xây dựng</i>		3.5
1.4.4.2	<i>Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các phương pháp xác định chi phí xây dựng</i>		3.5
1.4.4.3	<i>Sinh viên có kỹ năng lập và phân tích đánh giá về mặt tài chính các dự án đầu tư, so sánh lựa chọn các phương án kinh tế, kỹ thuật trong xây dựng.</i>		3.5
1.4.4.4	<i>Sinh viên có kiến thức cơ bản về thị trường xây dựng, dự báo thị trường .</i>		3.5
1.4.4.5	<i>Sinh viên lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát marketing thị trường xây dựng.</i>		3.5
1.4.4.6	<i>Đo bóc tiên lượng và lập dự toán cho công trình xây dựng</i>		3.5
1.4.4.7	<i>Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất người kỹ sư</i>		3.5
1.4.4.8	<i>Sinh viên có kỹ năng xây dựng và lập kế hoạch làm việc của nhóm; giao tiếp (bằng văn bản và đồ họa).</i>		3.5
1.4.4.9	<i>Sinh viên áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, thực hiện bài tập lớn:</i>		3.5
1.4.5	Kiến thức về Quản trị (quản trị doanh nghiệp, quản lý dự án, kỹ năng mềm, quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp, quản trị nguồn lực)	K1	3.5
1.4.3.1	<i>Hiểu được các kiến thức cơ bản về tổ chức dự án xây dựng</i>		3.5
1.4.7.2	<i>Trình bày được một số vấn đề trong quản lý dự án đầu tư xây dựng</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.4.3.3	<i>Liệt kê được những quy định chung về quản lý dự án đầu tư xây dựng</i>		3.5
1.4.3.4	<i>Vận dụng được để lập, thẩm định, phê duyệt dự án và tổ chức quản lý thực hiện dự án</i>		3.5
1.4.3.5	<i>Trình bày được các nội dung thực hiện dự án đầu tư xây dựng</i>		3.5
1.4.3.6	<i>Hiểu được các điều kiện năng lực hoạt động xây dựng</i>		3.5
1.4.3.7	<i>Vận dụng được các kiến thức đã học để làm bài tập hay thực hiện một số công tác trong quá trình quản lý dự án đầu tư xây dựng</i>		3.5
1.4.3.8	<i>Cung cấp khái niệm về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; Nắm bắt, tư duy có hệ thống và có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp</i>		3.5
1.4.3.9	<i>Sinh viên phân tích được các tình huống QTDN từ nhiều quan điểm khác nhau từ đó tư duy toàn cục các vấn đề trong QTDN</i>		3.5
1.4.3.10	<i>Sinh viên sử dụng được các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả</i>		3.5
1.4.3.11	<i>Nắm được những kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp như khái niệm, các yếu tố cấu thành quá trình giao tiếp, phân loại hoạt động giao tiếp, các phong cách trong giao tiếp; Vận dụng được các kỹ năng đặt câu hỏi, lắng nghe... vào thực tiễn.</i>		3.5
1.4.3.12	<i>Hiểu được các khái niệm, tầm quan trọng của thuyết trình, các bước chuẩn bị thuyết trình; Xây dựng phong cách thuyết trình lôi cuốn.</i>		3.5
1.4.3.13	<i>Hiểu rõ vai trò của làm việc nhóm, các giai đoạn hình thành và phát triển của nhóm, các tiêu chí đối với một nhóm làm việc hiệu quả; Có các kỹ năng cần thiết khi tham gia làm việc nhóm.</i>		3.5
1.4.6	<i>Kiến thức về đầu tư xây dựng (quản lý đấu thầu, quản lý hợp đồng; quản lý bất động sản, phân tích hiệu quả đầu tư)</i>	K1	3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.4.6.1	<i>Sinh viên có các kiến thức cơ bản về luật đấu thầu, quản lý đấu thầu, lựa chọn nhà thầu các công trình xây dựng</i>		3.5
1.4.6.2	<i>Sinh viên nắm bắt những kỹ năng, và hiểu được khái niệm và luật đấu thầu, lập kế hoạch đấu thầu.</i>		3.5
1.4.6.3	<i>Sinh viên hiểu được việc lập hợp đồng và quản lý đảm bảo quá trình thực hiện hợp đồng được diễn ra thống nhất, đảm bảo hợp đồng được thực hiện đúng như đã ký kết, giảm thiểu các thiệt hại trong trường hợp phát sinh tranh chấp.</i>		3.5
1.4.6.4	<i>Sinh viên hiểu được về quy luật phát triển bất động sản, nắm vững những công cụ chủ yếu để quản lý đất đai và bất động sản là pháp luật, quy hoạch và bộ máy quản lý nhà nước, đảm bảo cho phát triển bất động sản một cách trật tự, phù hợp với quy luật khách quan và hình thái kinh tế xã hội nước ta.</i>		3.5
1.4.6.5	<i>Sinh viên có kỹ năng vận dụng quy định quản lý bất động sản trong việc thực hiện nhiệm vụ về chuyên môn, quản lý phù hợp với công việc sau này</i>		3.5
1.4.7	Thực tập chuyên ngành	K1	3.5
1.4.7.1	<i>Sinh viên sắp xếp được tổng quan về các công quản lý chất lượng, quản lý rủi ro cơ bản sẽ gặp ở tất cả các dạng công trình xây dựng, không phân biệt chuyên ngành.</i>		3.5
1.4.7.2	<i>Sinh viên tóm tắt được một cách tổng quát các công tác quản lý chất lượng công trình, quản lý rủi ro công trình xây dựng. Có ý thức được về quá trình học tập suốt đời và phát triển các phương pháp, kỹ năng để thành công trong học tập.</i>		3.5
1.4.7.3	<i>Xây dựng kỹ năng giao tiếp (bằng văn bản và đồ họa, triển khai công việc từ bản vẽ) khi tìm kiếm thông tin, thuyết minh về báo cáo. Có thể đọc hiểu tiêu đề hình ảnh, bản vẽ vẽ tài liệu tiếng Anh, đọc được subtitle tiếng Anh của các Video clip liên quan đến</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>quá trình thực tập</i>		
1.4.7.4	<i>Xây dựng ý tưởng trong công tác quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, quản lý rủi ro các công trình xây dựng cơ bản.</i>		3.5
1.4.7.5	<i>Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất, công cụ hỗ trợ của nơi thực tập vào thực hiện một sản phẩm cụ thể: - Báo cáo thực tập</i>		3.5
1.4.7.6	<i>Sinh viên có kiến thức tổng quan về các công tác đầu tư, đấu thầu, kiểm soát hợp đồng, thẩm định giá. Giúp SV thu thập số liệu, hoàn thiện kiến thức đã học để chuẩn bị làm đề án tốt nghiệp.</i>		3.5
1.4.7.7	<i>Sinh viên nhận biết được một cách tổng quát các công tác đầu tư, đấu thầu, hợp đồng. Tiếp cận với công việc thực tế tại đơn vị quản lý dự án, công ty thi công, thiết kế. Có ý thức được về quá trình học tập suốt đời và phát triển các phương pháp, kỹ năng để thành công trong học tập.</i>		3.5
1.4.7.8	<i>Xây dựng được kỹ năng giao tiếp (bằng văn bản và đồ họa, triển khai công việc từ bản vẽ) khi tìm kiếm thông tin, thuyết minh về báo cáo. Có thể đọc hiểu tiêu đề hình ảnh, bản vẽ vẽ tài liệu tiếng Anh, đọc được subtitle tiếng Anh của các Video clip liên quan đến quá trình thực tập. Tìm hiểu chức năng, vai trò, nhiệm vụ của chuyên viên phân tích đầu tư, đấu thầu, hợp đồng, học tập những kinh nghiệm trong thực tế.</i>		3.5
1.4.7.9	<i>Xây dựng ý tưởng trong công tác đầu tư, quản lý đấu thầu, hợp đồng. Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm, nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước.</i>		3.5
1.4.7.10	<i>Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất, công</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>cụ hỗ trợ của nơi thực tập vào thực hiện một sản phẩm cụ thể: - Báo cáo thực tập</i>		
1.4.8	Thực tập tốt nghiệp	K1	3.5
1.4.8.1	<i>Lập được kế hoạch trong công tác quản lý chất lượng công trình, quản lý rủi ro công trình xây dựng . Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm, nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước.</i>		3.5
1.4.8.2	<i>Lập được kế hoạch trong công tác đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng, kế hoạch trong việc triển khai các quy trình đấu thầu, các loại hợp đồng. Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm, nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành trong và ngoài nước.</i>		3.5
1.4.9	Các học phần tốt nghiệp	K1	3.5
1.4.9.1	<i>Khái quát hóa được một số vấn đề chung về phân tích và đánh giá rủi ro trong khai thác công trình xây dựng</i>		3.5
1.4.9.2	<i>Tính toán được các chỉ tiêu, phân tích đánh giá chất lượng công trình trong thời kỳ khai thác.</i>		3.5
1.4.9.3	<i>Tính toán được các chỉ tiêu, phân tích, dự báo rủi ro công trình trong thời kỳ khai thác.</i>		3.5
1.4.9.4	<i>Sinh viên nhận biết được một cách tổng quát một số vấn đề chung về quản lý chất lượng công trình xây dựng, phân tích rủi ro trong khai thác công trình xây dựng. Có ý thức được về quá trình học tập suốt đời và phát triển các phương pháp, kỹ năng để thành công trong học tập.</i>		3.5
1.4.9.5	<i>Có kỹ năng giao tiếp (bằng văn bản, hình vẽ) khi làm các bài tập vận dụng, biết tìm kiếm thông tin, thuyết minh về bài làm. Có thể đọc hiểu tiêu đề hình ảnh, hình vẽ tài liệu tiếng Anh, đọc được titles tiếng Anh của các hồ sơ dự án.</i>		3.5
1.4.9.6	<i>Hình thành ý tưởng trong công tác quản lý</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>chất lượng công trình xây dựng, quản lý và đánh giá rủi ro công trình xây dựng.</i>		
1.4.9.7	<i>Vận dụng được kiến thức đã học, sử dụng kỹ năng đã được rèn luyện, sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất, công cụ hỗ trợ hiện có vào thực hiện một sản phẩm cụ thể: Báo cáo chuyên đề</i>		3.5
1.4.9.8	<i>Khái quát hóa được một số vấn đề chung về hiệu quả dự án đầu tư xây dựng</i>		3.5
1.4.9.9	<i>Khái quát hóa được một số vấn đề chung về hoạt động xây dựng và hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án; thực hiện dự án đầu tư xây dựng.</i>		3.5
1.4.9.10	<i>Tính toán được các chỉ tiêu kinh tế, phân tích đánh giá hiệu quả dự án đầu tư.</i>		3.5
1.4.9.11	<i>Sinh viên có kiến thức tổng quan về đầu tư xây dựng, dự án đầu tư xây dựng; tính toán dự toán xây dựng, tổng dự toán, tổng mức đầu tư; tính toán các chỉ tiêu kinh tế cần thiết phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả dự án theo các phương pháp hiện hành.</i>		3.5
1.4.9.12	<i>Sinh viên nhận biết được một cách tổng quát một số vấn đề chung về dự án đầu tư xây dựng; tính tự lập, tham định, phê duyệt dự án và hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, thực hiện dự án đầu tư xây dựng. Có ý thức được về quá trình học tập suốt đời và phát triển các phương pháp, kỹ năng để thành công trong học tập.</i>		3.5
1.4.9.13	<i>Có kỹ năng giao tiếp (bằng văn bản, hình vẽ) khi làm các bài tập vận dụng, biết tìm kiếm thông tin, thuyết minh về bài làm. Có thể đọc hiểu tiêu đề hình ảnh, hình vẽ tài liệu tiếng Anh, đọc được titles tiếng Anh của các hồ sơ dự án.</i>		3.5
1.4.9.14	<i>Hình thành ý tưởng trong công tác lập dự án; tổ chức tham định, phê duyệt dự án, hình thức tổ chức quản lý và thực hiện dự án; đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng.</i>		3.5
1.4.9.15	<i>Vận dụng được kiến thức đã học, sử dụng</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>kỹ năng đã được rèn luyện, sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất, công cụ hỗ trợ hiện có vào thực hiện một sản phẩm cụ thể: Báo cáo chuyên đề</i>		
1.4.9.16	<i>Khái quát hóa được một số vấn đề chung về quản lý hoạt động xây dựng</i>		3.5
1.4.9.17	<i>Khái quát hóa được một số vấn đề chung về hoạt động xây dựng và hình thức tổ chức quản lý, lập kế hoạch hoạt động xây dựng.</i>		3.5
1.4.9.18	<i>Tính toán được các chỉ tiêu, phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động xây dựng</i>		3.5
1.4.9.19	<i>Sinh viên có kiến thức tổng quan về luật xây dựng, luật đấu thầu, các bộ luật về hợp đồng xây dựng cần thiết phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động xây dựng theo các phương pháp hiện hành.</i>		3.5
1.4.9.20	<i>Có kỹ năng giao tiếp (bằng văn bản, hình vẽ) khi làm các bài tập vận dụng, biết tìm kiếm thông tin, thuyết minh về bài làm. Có thể đọc hiểu tiêu đề hình ảnh, hình vẽ tài liệu tiếng Anh, đọc được titles tiếng Anh của các hồ sơ dự án.</i>		3.5
1.4.9.21	<i>Hình thành ý tưởng trong công tác lập kế hoạch; tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch xây dựng, hình thức tổ chức quản lý và thực hiện quá trình xây dựng; đánh giá hiệu quả dự quá trình xây dựng.</i>		3.5
1.4.9.22	<i>Vận dụng được kiến thức đã học, sử dụng kỹ năng đã được rèn luyện, sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất, công cụ hỗ trợ hiện có vào thực hiện một sản phẩm cụ thể: Báo cáo chuyên đề</i>		3.5
1.5	KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG KHÁC		
1.5.1	Giới thiệu ngành	K1	
1.4.1.0	<i>Sinh viên có kiến thức tổng quan về chuyên ngành kỹ thuật xây dựng , các phương pháp học tập hiệu quả, công tác đào tạo chuyên ngành và các hoạt động học tập khác tại Khoa Công trình, Trường ĐHHVN.</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.5.1.1	<i>Sinh viên nhận biết được một cách tổng quát các công tác quy hoạch, thiết kế, thi công các công trình chuyên ngành và nhận thức được các đặc điểm học tập ở đại học, nắm được các phương pháp học và thi hiệu quả và lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và thực hành các phương pháp học tập hiệu quả</i>		3.0
1.5.1.2	<i>Sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp; phẩm chất người kỹ sư</i>		3.0
1.5.1.3	<i>Sinh viên có kỹ năng xây dựng và lập kế hoạch làm việc của nhóm; giao tiếp (bằng văn bản và đồ họa).</i>		3.0
1.5.1.4	<i>Biết hình thành ý tưởng trong công tác thiết kế, tổ chức thi công.</i>		3.0
1.5.1.5	<i>Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học, sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất, công cụ hỗ trợ hiện có trong công tác chuyên môn vào thực hiện một sản phẩm cụ thể: - Báo cáo chuyên đề; - Mô hình công trình chuyên ngành</i>		3.0
2	KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT		
2.1	LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ (3e)		
2.1.1	Xác định và nêu vấn đề	S1	4.0
2.1.2	Ước lượng và phân tích định tính, phân tích các yếu tố bất định	S1	4.0
2.1.3	Các giải pháp và khuyến nghị	S1	3.0
2.2	TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG (3c)		
2.2.1	Tư duy toàn cục	S1	2.0
2.2.2	Sắp xếp trình tự ưu tiên và tập trung	S1	3.0
2.3	THÁI ĐỘ, TƯ TƯỞNG VÀ HỌC TẬP (3i)		
2.3.1	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	C1	3.0
2.3.2	Tư duy suy xét	C1	3.0
2.3.3	Học tập và rèn luyện suốt đời (3i)	C1	3.0
2.4	ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC		

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	TRÁCH NHIỆM KHÁC (3f)		
2.5.1	Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội	C1	3.0
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp	C1	3.0
3	Phần 3: KỸ NĂNG GIAO TIẾP BAO GỒM LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1	LÀM VIỆC NHÓM (3d)		
3.1.1	Tổ chức nhóm hiệu quả	C1; S4; S5	3.0
3.1.2	Hoạt động nhóm	C1; S4; S5	3.0
3.2	GIAO TIẾP (3g)		
3.2.1	Giao tiếp bằng văn bản	S5	3.0
3.2.2	Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông	S5	3.0
3.3	GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ		
3.3.1	Kỹ năng nghe: có thể hiểu được những điểm chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn và rõ ràng về một vấn đề quen thuộc, thường xuyên gặp phải trong công việc, học tập và giải trí ... có thể hiểu được những điểm chính của các chương trình phát thanh hoặc truyền hình liên quan đến công việc hiện tại hoặc các vấn đề liên quan đến cá nhân, đến nghề nghiệp quan tâm khi chúng được trình bày tương đối chậm và rõ ràng	S6	3.5
3.3.2	Kỹ năng đọc: có thể hiểu được các văn bản có lỗi diễn đạt căn bản thường gặp hoặc liên quan đến công việc; có thể hiểu được các diễn tả về sự kiện, cảm xúc và ước muốn trong thư tín cá nhân	S6	3.5
3.3.3	Kỹ năng nói: có thể trao đổi trực tiếp và ngắn gọn thông tin về những đề tài và các hoạt động quen thuộc, những công việc đơn giản thường gặp; có thể xử lý những trao đổi xã hội ngắn, và có thể sử dụng một loạt các cụm từ và câu để miêu tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, học vấn và công việc	S6	3.5
3.3.4	Kỹ năng viết: có thể viết mạch lạc những vấn đề quen thuộc hoặc những đề tài quan tâm, có thể viết thư để diễn tả các trải		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TĐQG	TĐNL
	nghiệm và ấn tượng cá nhân		
4	Phần 4: HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN, VÀ VẬN HÀNH TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO		
4.1	BỐI CẢNH BÊN NGOÀI, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG (3h)		
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm của người kỹ sư	S2	2.0
4.1.2	Bối cảnh lịch sử và văn hóa và phát triển viễn cảnh toàn cầu	S2	2.0
4.2	BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ KINH DOANH (3h)		
4.2.1	Tôn trọng các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau	S2	3.0
4.2.2	Các bên liên quan	S2	3.0
4.3	HOẠCH ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ (3c)		
4.3.1	Hoạch định công tác đánh giá dự án và kiểm định công trình xây dựng	S4	3.5
4.3.2	Tổ chức triển khai các công tác quản lý dự án; kiểm định chất lượng công trình.	S4	3.5

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. Có biết			1. Khả năng Nhận thức

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
<i>hoặc trải qua</i>			2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia và đóng góp	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thục
4. Có kỹ <i>năng</i> thực hành hoặc triển khai	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <i>dẫn đắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i>	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Với nền tảng kiến thức vừa rộng và sâu, sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc với nhiều vị trí khác nhau theo nhu cầu của xã hội, như tại các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ quan, doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc:

Chuyên viên bất động sản;

Chuyên viên thẩm định giá;

Nhân viên các ban quản lý dự án

Giảng viên, nghiên cứu viên.

Các công ty thường tuyển dụng các kỹ sư chuyên ngành Quản lý công trình xây dựng sau khi tốt nghiệp trường ĐH Hàng Hải Việt Nam bao gồm:

Các cơ quan quản lý, nghiên cứu về lĩnh vực kỹ thuật xây dựng, đường thủy, giao thông ... như: Cục Hàng hải Việt Nam, Cục đường thủy nội địa Việt Nam, Ban quản lý dự án Hàng Hải, Ban quản lý dự án các công trình giao thông, Viện khoa học thủy lợi, Viện nghiên cứu các công trình đặc biệt, Viện Quy hoạch cấp tỉnh, Thành phố...

Các công ty tư vấn lập dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn khảo sát các công trình thủy như: Portcoast, Tedi port, CMB, iCMB...

Các cơ quan quản lý nhà nước như Sở NN và PTNN, Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Khoa học công nghệ môi trường.

Ban quản lý các khu chế xuất, khu công nghiệp.

Ngoài ra sinh viên còn có cơ hội học tập sau đại học, nghiên cứu sinh tại các cơ sở trong và ngoài nước, giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, Viện nghiên cứu về kiểm định chất lượng công trình, các Viện nghiên cứu, các trung tâm trực thuộc các Trường ĐH, Cao đẳng...Như vậy, cơ hội việc làm trong ngành Quản lý công trình xây dựng là rất rộng.

Một số địa chỉ cụ thể tại Hải Phòng và các tỉnh lân cận:

Công ty CP tư vấn xây dựng công trình hàng hải CMB, Chi nhánh Hải phòng Công ty CP tư vấn thiết kế Cảng Kỹ thuật biển Portcoast, Công ty CP xây dựng và phát triển hạ tầng Quảng Ninh...

Sở NN và PTNN Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Nam Định... Các chi cục quản lý đê điều và phòng chống lụt bão tương ứng; Sở Xây dựng, Viện Quy hoạch, Sở KH và ĐT, Sở KH, CN và MT các Tỉnh, Thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Nam Định.

Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Ban quản lý các khu công nghiệp Quảng Ninh, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình, Ban quản lý các khu công nghiệp Hải Dương, Ban quản lý các dự án công trình Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Quảng Ninh, Ban Quản lý các Dự án Giao thông Hải Dương, Ban quản lý dự án Hàng hải II...

4. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

4.1. Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 150 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 23 TC.

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở ngành: 50 TC.

c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 42 TC.

d. Tốt nghiệp: 10 TC.

d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 25 TC.

4.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Tổng cộng: 150 TC

Bắt buộc: 115 TC

Tự chọn tối thiểu: 25 TC

Tốt nghiệp: 10 TC

HỌC KỲ 1		HỌC KỲ 2	
I. Bắt buộc: 12 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Toán cao cấp (18124-4TC)		1. Ứng dụng Mathcad trong KT (16317-2TC)	18124
2. Vật lý 1 (18201-3TC)		2. Triết học Mac - Lênin (19101-3TC)	
3. Pháp luật đại cương (11401-2TC)		3. Cơ học công trình (16238-3TC)	18124
4. Giới thiệu ngành KTXD (16324-3TC)		4. Hình họa-Vẽ kỹ thuật (18304-3TC)	
II. Tự chọn		5. Thủy lực (16320-2TC)	
1. Anh văn cơ bản 1 (25101-3TC)		II. Tự chọn	
2. Quản trị doanh nghiệp (28215-3TC)		1. Anh văn cơ bản 2 (25102-3TC)	
		2. Kỹ năng mềm 1 (29101-2TC)	
		3. Tin học văn phòng (17102-3TC)	
HỌC KỲ 3		HỌC KỲ 4	
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 13 TC	Học trước
1. Địa chất công trình (16401-2TC)	16238	1. Khí tượng thủy hải văn (16321-2TC)	16320
2. Kết cấu thép và BTCT (16239-3TC)	18405	2. Luật xây dựng (16210-2TC)	11401
3. Vật liệu xây dựng (16403-2TC)		3. Cơ học đất và nền móng (16240-3TC)	16401
4. Trắc địa cơ sở (16108-2TC)		4. Quản lý công nghệ xây dựng (16338- 2TC)	
5. Kinh tế chính trị (19401-2TC)	19101	5. Khoa học quản lý xây dựng (16345-2TC)	16324
6. Mô hình toán kinh tế trong XD (16346-3TC)		6. Chủ nghĩa xã hội KH (19501-2TC)	19201
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Anh văn cơ bản 3 (25103-3TC)		1. Toán tài chính (28309-3TC)	
2. Môi trường và bảo vệ MT (26101-2TC)		2. Kỹ năng mềm 2 (29102-2TC)	
3. Vẽ kỹ thuật AutoCad (16132-2TC)		3. Thống kê doanh nghiệp xây dựng (16347-2TC)	
HỌC KỲ 5		HỌC KỲ 6	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh (19201-2TC)	19501	1. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (19303-2TC)	19201
2. Thi công cơ bản (16207-2TC)	16239	2. QL chất lượng công trình XD (16330-2TC)	
3. Quản lý nguồn nhân lực (16334-3TC)		3. Marketing trong xây dựng (16339-2TC)	
4. Quản lý đô thị (16326-3TC)		4. Quản lý dự án (16123-2TC)	
5. Nguyên lý kết cấu công trình XD (16241- 3TC)	16345	5. Quản lý bất động sản (16333-3TC)	
6. TT trắc địa cơ sở (16120-1TC)	16108	6. Quản lý đầu thầu (16331-3TC)	
7. TT Khí tượng thủy hải văn (16312-1TC)	16321	II. Tự chọn	
II. Tự chọn		1. Tâm lý học quản trị (28252-3TC)	
1. Công trình hạ tầng đô thị (16340-3TC)		2. Tàu (16306- 3TC)	
2. Công trình thủy lợi (16308- 3TC)			
HỌC KỲ 7		HỌC KỲ 8	
I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước	I. Bắt buộc: 15 TC	Học trước
1. Quản lý hợp đồng (16332-3TC)		1. Định giá sản phẩm xây dựng (16348-3TC)	
2. QTKD trong doanh nghiệp XD (16325-3TC)		2. Kinh tế đầu tư xây dựng (16349-3TC)	
3. Quản lý rủi ro CTXD (16337-2TC)		3. Tin học trong quản lý xây dựng (16328-2TC)	
4. An toàn lao động (16250-2TC)		4. Tài chính doanh nghiệp xây dựng (16329-2TC)	
5. Kinh tế xây dựng (16447-3TC)		5. Tổ chức & QL thi công CTT (16221-2TC)	16239
6. Thực tập cơ sở ngành (16335-2TC)	16330	6. Kế hoạch và dự báo xây dựng (16350-2TC)	
II. Tự chọn		II. Tự chọn	
1. Cấp thoát nước (16424- 2TC)		1. Thiết kế và quản lý đường thủy (16316-2TC)	
2. Phân tích hiệu quả đầu tư dự án XD (16232-3TC)		2. Tiếng Anh chuyên ngành (16327-2TC)	
HỌC KỲ 9			
I. Bắt buộc: 14 TC	Học trước		Học trước
1. Thực tập tốt nghiệp (16336-4TC)	16335	2. Đồ án tốt nghiệp (16342-10TC)	

5. Tuyển sinh

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức tuyển sinh chuyên ngành Quản lý Công trình Xây dựng hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Nhà trường.

6. Tổ chức giảng dạy, học tập và đánh giá

Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Nhà trường tổ chức đào tạo theo năm học và học kỳ.

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.

- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.

- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.

- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo kết quả học tập trong kỳ và kết quả thi cuối kỳ. Thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ và theo khóa học.

7. Cấp bằng tốt nghiệp

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra và các điều kiện cấp bằng đại học khác theo quy định được cấp bằng Kỹ sư ngành Kỹ thuật Xây dựng, chuyên ngành Quản lý Công trình Xây dựng.